



# NÂNG CAO NĂNG LỰC HIỂU HỌC SINH CHO GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

**PGS. TS MẠC VĂN TRANG**  
Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

Trong Kỷ yếu Hội thảo khoa học của Đề tài “Nâng cao năng lực giáo dục cho đội ngũ giáo viên chủ nhiệm lớp ở trường THPT” (B2010 -37-79Đ), các tác giả đã trình bày nhiều cách tiếp cận năng lực giáo dục của người giáo viên chủ nhiệm (GVCN):

- Tiếp cận theo các *nhiệm vụ* của người GVCN: cần nâng cao năng lực theo chuẩn nghề nghiệp (theo 6 chỉ tiêu: lập kế hoạch giáo dục, giáo dục qua môn học, giáo dục qua các hoạt động giáo dục, qua hoạt động cộng đồng, vận dụng nguyên tắc-phương pháp giáo dục, đánh giá kết quả giáo dục)<sup>1</sup>;

- Tiếp cận theo các *vai trò* của người GVCN (Mạc Văn Trang, 2010), trong đó đòi hỏi người GVCN cần nâng cao năng lực để thực hiện các vai trò: nhà chuyên môn, nhà giáo dục, người tư vấn, người điều phối, người đại diện (cho hiệu trưởng và cha mẹ HS...),<sup>2</sup>

- Tiếp cận theo *chức năng quản lí* cần nâng cao năng lực người GVCN về lập kế hoạch chủ nhiệm, năng lực tổ chức giáo dục, năng lực chỉ đạo- điều phối, năng lực kiểm tra- đánh giá, ...

- Tiếp cận theo phân tích các *thành tố của nhân cách* người GVCN (Lê Văn Hồng, 1995), *năng lực giáo dục* của người GVCN chú ý đến 5 năng lực bộ phận: Hiểu HS, giao tiếp, cảm hóa HS, khéo léo đối xử xử phạm, tổ chức các hoạt động giáo dục.<sup>3</sup>

Ngoài ra có thể còn các cách tiếp cận khác.

Bài viết này chỉ đề cập đến *năng lực hiểu học sinh* (NLHHS), theo cách tiếp cận phân tích các thành tố tâm lí *năng lực giáo dục* của người GVCN. NLHHS là một trong những năng lực cơ bản giúp người GVCN tiến hành các hoạt động, thực hiện các nhiệm vụ, vai trò một cách hiệu quả. Bài viết đề cập ba vấn đề chính:

- Năng lực hiểu học sinh là gì?
- GVCN cần hiểu những gì về HS?
- Nâng cao NLHHS cho GVCN bằng cách nào?

## 1. Năng lực hiểu học sinh là gì?

Có thể hiểu NLHHS là *tổ hợp những thuộc tính cá nhân của người GVCN khiến họ có thể vận dụng những*

*tri thức, kinh nghiệm, kĩ năng vào tìm hiểu, nắm được những đặc điểm của HS để tiến hành các hoạt động giáo dục đối với HS một cách có hiệu quả.*

NLHHS là một tổ hợp phức tạp nhiều yếu tố, có cả các mặt sinh học, tâm lí, xã hội kết hợp lại trong mỗi người GVCN. Có thể phân tích NLHHS của người GVCN theo mấy yếu tố cơ bản và tối thiểu sau đây:

- Các *tri thức* giúp cho hiểu HS (Sinh lí học, Tâm lí học lứa tuổi; Tâm lí học xã hội...)

- Những *kinh nghiệm* (tích lũy từ thời là HS, là sinh viên, kinh nghiệm nghề nghiệp, xã hội...)

- Những *kĩ năng* phát hiện, phân tích đặc điểm HS và vận dụng trong thực tiễn giáo dục;

Cũng như các năng lực khác, NLHHS của người GVCN chịu sự chi phối của nhiều yếu tố chủ quan và khách quan (trình độ đào tạo, lòng yêu nghề, yêu quý, tôn trọng HS, trách nhiệm xã hội, ý thức về sứ mệnh, vai trò của người GVCN; sự quan lí của hiệu trưởng, môi trường giáo dục, môi trường xã hội, chính sách với GVCN...).

NLHHS cũng như các năng lực khác của người GVCN có được là do chủ thể lĩnh hội bằng con đường học tập, nghiên cứu, tích lũy trong quá trình đào tạo, tham gia tích cực vào các hoạt động và giao tiếp trong công việc, trong các sinh hoạt khác của đời sống mà hình thành, phát triển, định hình...

## 2. GVCN cần hiểu những gì về học sinh?

Hiểu HS là một trong những năng lực cơ bản của người giáo viên nói chung và GVCN nói riêng. Mức độ hiểu HS càng toàn diện, sâu sắc, có căn cứ khoa học thì tác động giáo dục của người GV càng thuận lợi và dễ đạt kết quả tốt.

Nhưng “hiểu học sinh” là thế nào, thật không đơn giản. Đây là vấn đề sẽ có nhiều ý kiến khác nhau cả ở các nhà nghiên cứu lẫn các GVCN đang hoạt động thực tiễn giáo dục. Bởi vì “hiểu học sinh” có nhiều bình diện, phạm vi, nhiều mức độ với những mục đích và cách tiếp cận khác nhau. Nhà nghiên cứu “tìm hiểu học sinh” thường đi sâu vào những khía cạnh thuộc lĩnh vực chuyên môn của mình với những phương pháp, công cụ chuyên biệt. Nhà quản lí “hiểu học sinh” chủ yếu trên bình diện đánh giá kết quả giáo dục. Người giáo viên bộ môn chủ yếu hướng vào năng lực học tập của HS... Vậy người

<sup>1</sup> Nguyễn Dục Quang (2010) Kỷ yếu Hội thảo khoa học của Đề tài “Nâng cao năng lực giáo dục cho đội ngũ giáo viên chủ nhiệm lớp ở trường THPT” (B2010 -37-79Đ), Viện Khoa học giáo dục

<sup>2</sup> Mạc Văn Trang (2010) Tạp chí Khoa học giáo dục, số 61 tháng 10/2010

<sup>3</sup> Lê Văn Hồng (1995), *Tâm lí học lứa tuổi và Tâm lí học xử phạm*, ĐHSP, HN, 1995

GVCN cần “hiểu học sinh” ở những khía cạnh nào? Mức độ nào? Theo tôi người GVCN cần hiểu HS ở một số mặt chủ yếu tối thiểu sau đây:

- Hiểu những *đặc điểm cơ bản về phát triển thể chất và tâm lí lứa tuổi* của HS THPT. Từ đó biết tổ chức hoạt động giáo dục và ứng xử phù hợp với lứa tuổi này (khác với trẻ em, khác người đã trưởng thành...). Đặc biệt, có thể dự đoán xu hướng phát triển hay những hành vi bất thường thường xảy ra ở lứa tuổi này để điều chỉnh, hướng sự phát triển của HS theo mục đích giáo dục.

- Hiểu *đặc điểm cá nhân của từng HS*. Mỗi HS mang những đặc điểm chung của lứa tuổi, của một nền văn hóa... nhưng mỗi em là một cá thể độc đáo, cá biệt không lặp lại. GVCN có hiểu được những đặc điểm cá biệt của từng HS mới thực hiện được mục tiêu cá thể hóa (individualization) song song với xã hội hóa (socialization) trong quá trình giáo dục HS...

- Hiểu *đặc điểm, quy luật tâm lí HS trong các nhóm (tập thể), đám đông...* Từ đó GVCN vận dụng những quy luật, cơ chế của Tâm lí xã hội vào xây dựng tập thể HS lành mạnh cũng như biết phòng ngừa và hóa giải những hiện tượng tâm lí tiêu cực do tác động nhóm gây ra...

- Hiểu *hoàn cảnh xã hội của HS có nguyên nhân từ gia đình, cộng đồng*. Từ đó có thể phân nhóm HS theo những hoàn cảnh gia đình, nguồn gốc văn hóa... để thông cảm, có cách giáo dục phù hợp; phối hợp với gia đình, địa phương trong công tác giáo dục cá nhân, nhóm, tập thể HS...

### **3. Nâng cao năng lực hiểu HS cho GVCN bằng cách nào?**

Như trên đã phân tích, NLHHS ít nhất gồm ba thành tố “tri thức”, “kinh nghiệm”, “kĩ năng” được hình thành phát triển, tổ hợp lại thành một cấu trúc tâm lí, có cơ chế vận hành để tạo nên năng lực... Muốn nâng cao NLHHS cần phải phát triển cả ba thành tố đó như một chỉnh thể hài hòa. Nhưng mỗi thành tố có những con đường, phương cách hình thành phát triển đặc thù riêng. Do vậy cần có những biện pháp “nâng cao” NLHHS cho GVCN một cách đa dạng. Có nhiều cách tiếp cận để trình bày các biện pháp. Xin đề xuất mấy biện pháp sau:

#### **3.1. Biện pháp nâng cao tri thức của NLHHS cho GVCN.**

Hệ thống tri thức chủ yếu được hình thành bằng con đường học tập, nghiên cứu tài liệu khoa học, thực hành, thí nghiệm... Do đó nâng cao tri thức hiểu HS, người GVCN chủ yếu bằng cách *tự nghiên cứu các tài liệu và được tổ chức bồi dưỡng về:*

*a - Đặc điểm phát triển sinh lí – thể chất HS để hiểu những đặc điểm chuyển tiếp từ HS THCS lên và quá trình phát triển, hoàn thiện thể chất của HS THPT ở lứa tuổi đầu thanh niên. Những đặc điểm này liên quan đến nhu cầu sinh học, đến tình yêu, tình dục, tác động tâm lí, trạng thái hoạt động trí óc và cơ thể của HS rất lớn...;*

*b - Đặc điểm tâm lí lứa tuổi HS để hiểu được quá trình phát triển tâm lí qua các thời kì và đặc điểm tâm lí đặc trưng ở lứa tuổi HS THPT. Chẳng hạn lứa tuổi THPT rất quan tâm đến hình ảnh về bản thân; nảy nở tình bạn khác giới trộn lẫn với tình yêu nam nữ; định hướng giá trị nhân cách, giá trị nghề nghiệp, ý thức về bản thân và ý thức công dân phát triển; tiềm năng hoạt động trí óc và thể chất dồi dào...;*

*c - Đặc điểm cá nhân (cá thể) của HS để hiểu rằng: tuy cùng có những đặc điểm chung về lứa tuổi nhưng mỗi HS là một cá thể độc đáo, cá biệt có một không hai, không lặp lại...; rằng việc hiểu và tôn trọng, phát huy cá tính của HS là xu hướng tất yếu của nền giáo dục văn minh, hiện đại... Ngày khai trường đầu tiên của nước Việt Nam độc lập (1945), Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tuyên bố về nền giáo dục mới “... một nền giáo dục làm phát triển hoàn toàn những năng lực sẵn có của các em”. Dẫu cái “năng lực sẵn có” của mỗi HS chỉ là 1% còn 99% là do lĩnh hội chung của nền giáo dục, thì 1% làm nên sự khác biệt đó là giá trị độc đáo của mỗi cá nhân làm nên sự phong phú, đa dạng của đời sống, của xã hội loài người... Phát triển cá tính của mỗi HS là nhiệm vụ khó khăn nhất, nhưng cũng thú vị nhất của mỗi GVCN. Để làm được điều đó, phải không ngừng học hỏi cả về quan niệm lẫn tri thức, kĩ năng cụ thể.*

*d - Đặc điểm tâm lí HS trong các nhóm tâm lí xã hội. Từng HS hoạt động riêng lẻ rất khác với khi chúng gia nhập vào một nhóm nào đó. Những hiện tượng, quy luật tác động tâm lí trong nhóm rất phức tạp: vai trò và ảnh hưởng của thủ lĩnh, sự lây lan tâm lí, ảnh hưởng của bầu không khí tâm lí nhóm, quan hệ liên nhân cách; cơ chế ám thị, đồng hóa, đua theo nhóm, xử lí mâu thuẫn, xung đột nhóm, bạo lực học đường... đòi hỏi người GVCN phải tích lũy nhiều tri thức lí luận và tổng kết thực tiễn giáo dục về tâm lí xã hội.*

*e - Hoàn cảnh xã hội, gia đình của mỗi HS, nhóm HS. Người GVCN không thể hiểu rõ HS của mình nếu không có tri thức và phương pháp phân tích những vấn đề xã hội của HS: những HS có cùng đặc điểm văn hóa, giới tính, dân tộc (HS nam hay nữ, cùng tôn giáo, dân tộc nào đó...) sẽ có những nét tâm lí tương đồng; những HS cùng hoàn cảnh gia đình*



(giàu, nghèo, cha mẹ li hôn, truyền thống văn hóa, nghề nghiệp...) đều có ghi dấu ấn vào tính cách, tâm trạng HS... GVCN cần được trang bị những tri thức về xã hội học, xã hội học giáo dục để hiểu rõ hoàn cảnh xã hội của HS...

**3.2. Biện pháp nâng cao kinh nghiệm thực tiễn về tìm hiểu HS**

Người xưa nói "Thầy đồ già, con hát trẻ" là muốn nhấn mạnh tầm quan trọng của kinh nghiệm giáo dục của người GV. Ngày nay có khác, nhiều thầy trẻ giỏi hơn già. Nhưng kinh nghiệm thực tiễn được thử thách, trải nghiệm, ghi nhận, đối với người GVCN bao giờ cũng đặc biệt quan trọng. Tất nhiên kinh nghiệm và tri thức lí luận phải được hòa quyện lại thì mới phát huy tác dụng. Kinh nghiệm giáo dục HS có thể được nâng cao bằng nhiều cách:

a- *GVCN có sổ tay kinh nghiệm giáo dục.* Sổ tay này ghi lại những bài học thất bại và thành công trong các hoạt động, giao tiếp, ứng xử với HS qua các sự việc, tình huống thực tế, sau những trải nghiệm, suy ngẫm...Thỉnh thoảng xem lại, suy ngẫm, vận dụng và bổ sung thêm... Đây không phải *nhật ký* ghi lại những cảm xúc, suy tư hằng ngày có tính riêng tư mà chủ yếu là phân tích một cách khoa học những sự kiện, rút ra những bài học kinh nghiệm cho công việc giáo dục HS của người GVCN.

b- *Trao đổi kinh nghiệm qua sinh hoạt nhóm/tổ GVCN.* Đây là hình thức/biện pháp vô cùng quan trọng. Những người cùng công việc, cùng hoàn cảnh cùng quan tâm một vấn đề thảo luận, chia sẻ kinh nghiệm sẽ hết sức thiết thực. Trong mỗi GVCN có thể có những "bí quyết" riêng, không phải người khác cũng áp dụng máy móc theo được, nhưng đem chia sẻ giúp kích thích suy nghĩ, tìm tòi các sáng kiến khác nhau, làm phong phú kinh nghiệm lẫn nhau.

c- *Tham quan, dự giờ sinh hoạt lớp, tham dự hoạt động tập thể của các lớp có GVCN giỏi để học hỏi.* Việc này đối với các GVCN đều cần khiếm tốn, cầu thị học hỏi, vì công tác GVCN rất phức tạp. Ai đó có một kinh nghiệm gì hay, người khác đều cần tham khảo, nhất là đối với các GVCN mới vào nghề.

d- *Tổ chức tập huấn bằng báo cáo chuyên đề GVCN ở các cấp (trường, huyện, sở...).* Trong các khóa tập huấn này vừa kết hợp bồi dưỡng lí luận vừa trao đổi các kinh nghiệm thực tiễn về công tác GVCN... Trường Nguyễn Trãi, Hải Phòng làm công tác GVCN rất tốt, do hiệu trưởng trực tiếp làm "trưởng ban chủ nhiệm", có chương trình bồi dưỡng GVCN rất cụ thể, tỉ mỉ và yêu cầu GV mới vào nghề phải làm phó chủ nhiệm ít nhất 2 năm, qua bồi dưỡng, được giảng

chứng nhận mới có thể làm GVCN<sup>4</sup>... Đây là điều hết sức cơ bản, vì kinh nghiệm làm GVCN sẽ được tiếp thu, vận dụng, phát triển tốt trong môi trường giáo dục lành mạnh với sự quan tâm đặc biệt của hiệu trưởng tới công tác chủ nhiệm lớp.

e- *Cục Nhà giáo cần có một trang Web về công tác GVCN lớp/người GVCN lớp...* trong đó có các chuyên mục: Phổ biến chủ trương, trao đổi kinh nghiệm, nêu các tình huống để cùng nhau giải quyết, giải đáp – tranh luận... Rất cần có chuyên mục "kinh nghiệm quốc tế" về công tác GVCN, bởi vì người GVCN cần quan tâm đến xu hướng hội nhập quốc tế, hiện đại hóa công tác GVCN của các đồng nghiệp ở các nơi, các nước khác nhau. Từ đó mở rộng kinh nghiệm và theo kịp với xu thế hiện đại hóa, quốc tế hóa của HS THPT.

**2.3. Biện pháp nâng cao kĩ năng hiểu HS của GVCN**

Để hiểu HS, người GVCN có tri thức, có mong muốn... là những cơ sở tốt nhưng chưa đủ, còn cần có những kĩ năng nữa. Kĩ năng hiểu HS là một hệ thống những phương pháp, kĩ thuật để tiến hành các hành động "tìm hiểu HS" một cách khoa học. Kĩ năng được hình thành, phát triển bằng con đường học thực hành, tập huấn, thí nghiệm, lao động trí óc và chân tay trong thực tế giải quyết các nhiệm vụ mà tích lũy được. Để nâng cao NLHHS, người GVCN cần có một số kĩ năng:

a - *Biết thu thập thông tin về HS*

- Thu thập thông tin một cách khoa học đòi hỏi người GVCN biết sử dụng tốt *phương pháp quan sát* (quan sát tự nhiên, quan sát "trong phòng thí nghiệm", quan sát cá nhân, quan sát nhóm, quan sát một thời điểm, quan sát trường diễn, quan sát tự do và quan sát có phiếu chủ định sẵn...). Quan sát là phương pháp sơ đẳng, cổ xưa nhất, nhưng cũng quan trọng nhất đối với người GVCN. Để quan sát thấu hiểu thì cùng với mắt nhìn, tai nghe... là "cả một trái tim rung động và khối óc nhạy cảm trí tuệ"... Người GVCN nâng cao kĩ năng quan sát chủ yếu bằng cách nghiên cứu tài liệu hướng dẫn, tập huấn và thực hành phương pháp quan sát nhiều lần, làm đi làm lại, trở thành một thói quen nghề nghiệp.

- *Biết sử dụng phương pháp trò chuyện* để thu thập thông tin về HS. Có thể trò chuyện với cá nhân, nhóm HS, với các GV, với cha mẹ HS... Phương pháp trò chuyện là giao tiếp có ý thức, tìm hiểu những vấn

<sup>4</sup> Xem Lê Hoàng Việt (2011), *Hiệu trưởng trường THPT với việc bồi dưỡng nâng cao năng lực giáo dục cho GVCN lớp*, báo cáo tại Hội thảo "Nâng cao năng lực GVCN lớp THPT" tại Viện Khoa học giáo dục, ngày 08/7/2011

để có chủ định. Thu thập thông tin có thể hỏi trực tiếp vào vấn đề, cũng có thể trò chuyện gián tiếp mà hiểu được thực chất vấn đề... GVCN cần không ngừng rút kinh nghiệm trong thực tiễn giáo dục để hình thành kĩ năng trò chuyện hiệu quả. Các nhà giáo dục cổ đại, trung đại, cận đại nổi tiếng, chủ yếu dùng phương pháp quan sát, trò chuyện để tổng kết nên những kinh nghiệm giáo dục kinh điển (Khổng Tử, J.A. Comenxki, A.X. Macarencô ...).

- Có thể tiến hành các phương pháp *trắc nghiệm, dùng bảng hỏi...* để thu thập thông tin. Đây là những phương pháp hiện đại, giúp ta có thể định lượng các thông tin thu thập được. GVCN cần được tập huấn, thực hành các phương pháp này để ứng dụng trong thực tế giáo dục HS THPT, nhất là khi GVCN muốn tiến hành nghiên cứu những vấn đề chuyên sâu về HS để đóng góp cho các đề tài về khoa học giáo dục.

*b - Biết phân tích, hệ thống hóa, khái quát hóa đặc điểm HS*

GVCN cần học kĩ năng phân tích các sự kiện, số liệu về cá nhân, nhóm HS. Ngày nay có những phần mềm quản lí HS dành cho GVCN. Đó là thuận lợi lớn. Các số liệu, sự kiện về HS cần được phân tích, lưu giữ, hệ thống hóa, khái quát hóa, theo dõi sự phát triển của HS xem có đúng như những dự báo của GVCN không? Từ đó rút ra nhiều kinh nghiệm thú vị về kĩ năng đánh giá, nhận định, dự đoán sự phát triển của HS trong điều kiện bình thường cũng như trong những hoàn cảnh bất thường...

*c - Biết vận dụng đặc điểm HS vào xây dựng lớp và tổ chức các hoạt động*

Đặc điểm HS THPT là tính tự chủ, tự lập cao, quan hệ liên nhân cách khá chặt chẽ, có khả năng tự tổ chức các nhóm, các hoạt động đa dạng.

- GVCN cần biết phát hiện ra những em có bản lĩnh, xu hướng và năng lực làm thủ lĩnh để xây dựng tổ chức lớp. Lớp có một thủ lĩnh có uy tín và một bộ khung cán bộ người nào phù hợp với việc ấy sẽ là tập thể mạnh. Có một số trắc nghiệm và mô hình phát hiện những mâu thuẫn nhóm, uy tín cán bộ lớp, mức độ cấu kết nhóm... GVCN nên biết vận dụng...

- GVCN cần biết được hứng thú và sở trường của mỗi HS (HS THPT đã bộc lộ khá rõ), để phân công HS phụ trách các hoạt động phù hợp với "năng khiếu" của từng em về một lĩnh vực, từ đó sẽ phát huy được tiềm năng cá nhân và phong trào của lớp...

- Lớp nên có hòm thư, hoặc xây dựng một blog chung của lớp để GVCN cùng HS có thể trao đổi những vấn đề của lớp. Tất nhiên, blog phải xác định

tôn chỉ, mục đích rõ và do những HS có trách nhiệm phụ trách.

*e - Biết vận dụng đặc điểm HS vào giao tiếp, ứng xử sư phạm*

Giao tiếp ứng xử là biểu hiện toàn bộ nhân cách người GVCN, trong đó kĩ năng giao tiếp phù hợp đặc điểm HS chỉ là một yếu tố, nhưng rất quan trọng. GVCN cần nghiên cứu tài liệu về giao tiếp, nghệ thuật cảm hóa HS, khéo léo đối xử sư phạm... Nhưng quan trọng nhất vẫn là vận dụng những tri thức đó vào thực tế phù hợp đặc điểm cá nhân HS, nhóm HS, tập thể HS trong những tình huống khác nhau. Chỉ có qua vận dụng thực tế nhiều lần với nhiều HS có những đặc điểm khác nhau, trong những tình huống khác nhau, người GVCN mới có những trải nghiệm sâu sắc, rút ra những kinh nghiệm sống cho nghề nghiệp của mình. Kĩ năng giao tiếp ứng xử dần trở thành thói quen, thành nghệ thuật sư phạm của người GVCN. Nhưng hãy bắt đầu từ những kĩ năng đơn giản, thiết thực như giao nhiệm vụ, khen, chê HS...

Tóm lại, mục đích hiểu HS là để vận dụng những hiểu biết đó vào xây dựng một tập thể lớp mà ở đó mỗi HS đều được quan tâm, tôn trọng, phát huy cá tính của mình trong một không khí dân chủ, tự do, trung thực, có kỉ cương và tin cậy lẫn nhau vì sự phát triển của mỗi cá nhân và cả tập thể.

Ngô Bảo Châu, sau những thành công trên con đường học tập, nghiên cứu, đã cho chúng ta một kết luận: *"Từ trải nghiệm làm việc ở Pháp cũng như ở Mỹ tôi hiểu ra rằng môi trường học tập lành mạnh là điều kiện tiên quyết cho sự trưởng thành của những nhà khoa học trẻ. Môi trường khoa học lành mạnh chính là nơi học thuật và đạo đức trong học thuật được luôn xếp ở vị trí đầu tiên cùng với sự bình đẳng trong các nhà khoa học không phân biệt già trẻ cũng như sự tự do tuyệt đối trong nghiên cứu khoa học."* (Phát biểu tại buổi "Lễ chào mừng..." tối 29/8/2010 tại Hà Nội).

GVCN cần định hướng và khuyến khích HS THPT của chúng ta hướng đến những giá trị như thế.

## SUMMARY

*The article addresses the student understanding capacity by analytical approach for educational psychology comments of the class teacher. Students understanding capacity is one of the basic capacities helping the class teacher to conduct activities, task and functions effectively. This article addresses 3 main issues: what is a student understanding capacity? What shall the class teacher know about students? How to improve students understanding capacity by class teachers?*